

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-PT

Ngày: 25/01/2022

V/v: “Tranh chấp yêu cầu công
nhận hợp đồng CN QSD đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: khu phố K, thị trấn A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư M - Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

Bị đơn: Ông Phan Văn U, sinh năm 1983. Địa chỉ: khu phố X, thị trấn A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật là ông Chung Văn Đ. Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Trung K, sinh năm 1938. Chức vụ: Chấp hành viên - Phó Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Có mặt

2. Ông Trịnh Minh T1, sinh năm: 1975. Địa chỉ: khu phố K, thị trấn A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ngày 13/6/2019, ông có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Phan Văn U, diện tích chuyển nhượng là 100m². Trong cùng ngày hai bên có đến Văn phòng công chứng huyện A công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Ông cũng đã giao đủ số tiền chuyển nhượng cho ông U (Kèm theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng ngày 13/6/2019, số công chứng 2238, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng huyện A).

Khoảng thời gian từ tháng 6, tháng 7/2019, ông có đến liên hệ Văn phòng đăng ký đất đai huyện A để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Văn phòng có hẹn ông sau khoảng 10 ngày đến làm thủ tục sang tên. Do ông bận nhiều công việc gia đình nên chưa có thời gian thực hiện sang tên quyền sử dụng đất. Đến ngày 06/01/2020, ông có đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện A để làm thủ tục sang tên thì Văn phòng cho biết không T làm thủ tục sang tên được vì phần đất này đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện A ra quyết định cưỡng chế, kê biên với phần với phần đất 100m² của ông (Theo quyết định số 15/QĐ-QĐCCTHADS ngày 03/01/2020).

Ngày 06/01/2020, ông có đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện A trình bày ý kiến về việc kê biên phần đất nói trên, có thỏa thuận nhưng không được chấp nhận. Đến ngày 08/01/2020, ông có gửi đơn khiếu nại yêu cầu xem xét hủy quyết định cưỡng chế, kê biên số 15/QĐ-QĐCCTHADS ngày 03/01/2020. Đến ngày 20/02/2020, ông có nhận được thông báo số 89/TB-CCTHADS ngày 19/02/2020 thông báo về việc không chấp nhận đơn khiếu nại của ông.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông Phan Văn U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ039956 do UBND huyện A cấp ngày 12/8/2004 với diện tích 100m² đất thổ cư nông thôn, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn ông Phan Văn U trình bày:*

Ngày 13/6/2019, ông có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn T, diện tích chuyển nhượng là 100m², giấy CNQSDĐ đứng tên ông, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Trong cùng ngày hai bên có đến Văn phòng công chứng huyện A công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Giá trị chuyển nhượng là 30.000.000 đồng và 02 bên cũng đã giao nhận tiền xong.

Nay ông vẫn giữ nguyên ý kiến về việc thực hiện theo hợp đồng chuyển nhượng và yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông với ông T là hợp pháp.

- Ông Hà Trung Kiên là người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A trình bày:

Sau khi Bản án số 116/2019/DS-ST, ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Trịnh Minh T1 với ông Phan Văn U có hiệu lực pháp luật, căn cứ vào đơn yêu cầu thi hành án của ông T1, Chi cục thi hành án đã ban hành quyết định cưỡng chế, kê biên số 15/QĐ-QĐCCTHADS ngày 03/01/2020 đối với 02 phần đất gồm 01 phần đất có diện tích là 100m² của ông Phan Văn U, loại đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ039956 do UBND huyện A cấp ngày 12/8/2004, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Kiên Giang và 01 phần đất có diện tích là 100,2m² của ông Phan Văn U, loại đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB964803 do UBND huyện A cấp ngày 19/12/2005, tọa lạc tại khu phố X, thị trấn A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Sau khi có quyết định cưỡng chế, kê biên thì ông Nguyễn Văn T đứng ra tranh chấp cho rằng phần đất có diện tích là 100m² của ông Phan Văn U, loại đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ039956 do UBND huyện A cấp ngày 12/8/2004 đã có hợp đồng mua bán và được công chứng việc mua bán giữa ông U với ông T. Theo đó Chi cục thi hành án hướng dẫn cho các đương sự khởi kiện ra Tòa án để nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự.

Do ông Nguyễn Văn T lập thủ tục công chứng vào ngày 13/6/2019 nhưng chưa lập thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai, chưa làm thủ tục chuyển tên nên tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của ông Phan Văn U, ông U cố tình né tránh nghĩa vụ thi hành án nhằm tẩu tán tài sản, không kê khai tài sản trung thực, gây khó khăn cho quá trình thi hành án, nhưng qua làm việc thì ông Phan Văn U đã thống nhất việc kê biên xử lý tài sản của cơ quan thi hành án.

Vì vậy, Chi cục thi hành án yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/6/2019 giữa ông T và ông U đã được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện A. Sau khi Tòa án quyết định thì cơ quan thi hành

án sẽ thực hiện theo nội dung quyết định của Tòa án.

- Ông *Trịnh Minh T1* trình bày:

Trước đây ông có khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn U trả số tiền vay nợ là 510.000.000 đồng. Đến ngày 30/9/2019, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đưa vụ án ra xét xử và ban hành bản án số 116/2019/DS-ST, ngày 30/9/2019 xử buộc ông U phải trả cho ông T1 số tiền 510.000.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông có làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện A thi hành bản án buộc ông U phải trả nợ cho ông. Sau đó Cơ quan Thi hành án ra quyết định cưỡng chế, kê biên 02 phần đất của ông U, trong đó có 01 phần đất có diện tích 100m², tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện A, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ039956 được UBND huyện A cấp vào ngày 12/8/2004. Trong quá trình thi hành án thì Cơ quan Thi hành án thông báo cho ông biết là phần đất này ông U đã bán cho ông Nguyễn Văn T và đang có tranh chấp tại Tòa án nên phải tạm dừng việc cưỡng chế, kê biên để chờ kết quả giải quyết tranh chấp giữa ông U với ông T thì mới tiếp tục giải quyết cho ông.

Ông nhận thấy bản án xử buộc ông U phải trả cho ông số tiền 510.000.000 đồng và Cơ quan Thi hành án đã cưỡng chế, kê biên tài sản của ông U để đảm bảo quyền lợi cho ông là đúng với quy định của pháp luật. Việc ông U bán đất cho ông T là nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, ông có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Phan Văn U với ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên yêu cầu cưỡng chế kê biên tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A để nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1.

Thời điểm ông T khởi kiện ông U là có sau khi bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật nên ông cho rằng việc này là không hợp lệ nên ông T có T khởi kiện yêu cầu ông U bồi thường cho ông T vì đã bán phần đất liên quan đến tài sản đang cưỡng chế, kê biên ở 01 vụ kiện khác mới đúng pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/6/2019 giữa ông Phan Văn U và ông Nguyễn Văn T đối với phần đất có diện tích là 100m², loại đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ039956 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 12/8/2004, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Kiên Giang được công chứng ngày 13/6/2019, số công chứng 2238, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng huyện A là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và bảo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/5/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Bản án sơ thẩm xét xử không khách quan vì thời điểm ông ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thời điểm chứng thực của Văn phòng công chứng huyện A là ngày 13/6/2019 xảy ra trước khi có quyết định kê biên cưỡng chế của Thi hành án huyện A ngày 03/01/2020.

Yêu cầu hủy bản án số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông U.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư M trình bày:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông U được lập theo đúng quy định pháp luật, ông T và ông U đã giao nhận đất, trả đủ tiền, đã có cắm ranh nhưng chưa sang tên, hai bên không tranh chấp hợp đồng. Bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu nhưng không xử lý hậu quả cũng không nêu căn cứ quy định của pháp luật về hợp đồng vô hiệu. Đối chiếu các quy định của Bộ luật Dân sự thì không có căn cứ tuyên hợp đồng vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện A do ông Hà Trung K đại diện trình bày: Quá trình cưỡng chế thi hành án đối với Bản án số 116/2019/DS-ST, ngày 30/9/2019 giữa ông U và ông T1 thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đã thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai cũng như quy định của Luật Thi hành án dân sự, do ông U nhiều lần khai báo không trung thực có dấu hiệu tẩu tán tài sản, do đó đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông U.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp

nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là ông Phan Văn U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Minh T1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Phan Văn U thống nhất xác định vào ngày 13/6/2019, ông T có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông U, diện tích chuyển nhượng là 100m² đất thổ cư nông thôn tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ039956 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Phan Văn U ngày 12/8/2004, giá chuyển nhượng là 30.000.000 đồng, cùng ngày 13/6/2019 ông T và ông U đến Văn phòng công chứng huyện A công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Ông T đã giao đủ số tiền chuyển nhượng cho ông U, ông U cũng đã giao đất cho ông T quản lý, sử dụng từ năm 2019 đến nay.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T yêu cầu sửa bản án số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A theo hướng công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông U, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông U được lập theo mẫu, có công chứng vào ngày 13/6/2019, ông T đã trả đủ tiền nhận chuyển nhượng, ông U cũng đã giao đất cho ông T sử dụng từ năm 2019 đến nay nên hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Việc cơ quan thi hành án huyện A căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Trịnh Minh T1 và ông Phan Văn U để cưỡng chế thi hành án đối với thửa đất ông U đã chuyển nhượng cho ông T vì cho rằng ông U có dấu hiệu tẩu tán tài sản là chưa đủ căn cứ, vì tại Bản án số 116/2019 ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện A thể hiện vụ án này được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý vào ngày 14/8/2019, sau ngày ông U chuyển nhượng phần đất các bên đang tranh chấp cho ông T (ngày 13/6/2019).

Tại cấp sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Minh T1 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A đều có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T và ông U, riêng ông T1 có đơn khởi kiện độc lập và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định, tuy nhiên trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm chưa tuyên chấp nhận hay không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông T1 về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T và ông U, đồng thời cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông U vô hiệu, do đó căn cứ khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả”*.

Đồng thời tại mục 2, phần III của Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao có quy định: *“khi giải quyết vụ án có yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì Tòa án phải giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Việc giải thích phải được ghi vào biên bản và lưu vào hồ sơ vụ án. Trường hợp Tòa án đã giải thích nhưng tất cả đương sự vẫn không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu...”*. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa tiến hành lấy ý kiến của các đương sự trong trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu thì các đương sự có yêu cầu xem xét giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu hay không; chưa tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp để làm căn cứ giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa lấy ý kiến của vợ ông T, vợ ông U và Văn phòng Công chứng huyện A để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Xét thấy, những sai sót nêu trên của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm, do đó trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[4]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008950 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Phần tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu, được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008950 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Tấn